TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2017/DS-PT
Ngày: 06 - 9 – 2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Xuân Long**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Ông **Lê Thanh Toàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Hằng** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp: "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/QĐ-PT ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ Q, ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: số a, tổ b, khu c, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 01 năm 2016)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Minh Đ, sinh năm: 1961;

3.2. Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1985;

3.3. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1990;

3.4. Nguyễn Minh T, sinh năm: 1992;

3.5. Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1994;

3.6. Nguyễn Minh H, sinh năm: 1996;

3.7. Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1997;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, chị T, chị T, chị L, anh Đ, anh H, anh T: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Nguyễn Thị B, sinh năm: 1931; (xin vắng mặt)

3.9. Võ Thị C, sinh năm: 1963; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.10. Võ Văn S, sinh năm: 1927 (chết năm 2010)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn S:

3.10.1. Nguyễn Thị B, sinh năm: 1931; (xin vắng mặt)

3.10.2. Võ Thị C, sinh năm: 1963; (có mặt)

3.10.3. Võ Thị D, sinh năm: 1959; (có mặt)

3.10.4 Võ Thị V, sinh năm: 1974; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.10.5. Võ Thị V1, sinh năm: 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.10.6. Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Võ Thị V.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào năm 2008 bà có nhận chuyển nhượng thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị V đại

diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất của cha mẹ để lại. Giá nhận chuyển nhượng tại thời điểm là 115.000.000 đồng, bà quản lý sử dụng đất cho đến nay, chưa sang tên chuyển quyền. Do mẹ bà là bà Nguyễn Thị B xảy ra tranh chấp đòi quyền sử dụng đất với bà Võ Thị V nên không chuyển nhượng sang tên cho bà được. Theo bản án số 70/2015/DSST ngày 19/6/2015 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và chia di sản thừa kế của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử đã có hiệu lực pháp luật xác định mẹ bà là bà Nguyễn Thị B và em bà là bà Võ Thị V thừa nhận có chuyển nhượng thửa đất nói trên cho bà, các anh em đồng thừa kế cũng đồng ý, hai bên tự nguyện lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà đứng tên. Do bà không có hiểu biết về pháp luật nên bà không khởi kiện độc lập, yêu cầu được kê khai đăng ký thửa đất đã mua. Nay bà yêu cầu xác định thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà vì đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị B và bà Võ Thị V từ năm 2008. Bà yêu cầu được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất thửa số 66, diện tích 2.384m^2 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Võ Thị V và người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Quang N trình bày:*

Bà V có thửa đất số 66, tờ bản đồ số ĐHHC2 diện tích 2.384m^2 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 00090 ngày 03/3/2005 cho bà đứng tên. Đến năm 2008 do cần tiền cất nhà cho cha mẹ bà ở, nên bà và cha mẹ đồng ý cho bà Nguyễn Thị N mượn thửa đất này để cải tạo lên vườn trồng cây vì trồng lúa không có hiệu quả, bù lại phía bà N có đưa cho gia đình bà 115.000.000 đồng và giao kèo khi nào phía gia đình bà trả tiền thì bà N trả đất lại. Do đó, nay bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị V1 và Võ Thị D trình bày*:

Bà V1 và bà D là con gái của ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị B. Bà V1 và bà D thống nhất việc bà Nguyễn Thị N có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 66 từ bà Võ Thị V. Nay bà V1 và bà D đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B và Võ Thị C trình bày*: Vào thời điểm năm 2008 gia đình bà Nguyễn Thị B có đồng ý thống nhất chuyển nhượng thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị N với giá chuyển nhượng là 115.000.000 đồng do bà Võ Thị V đại diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà B và bà C đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc hộ gia đình bà Võ Thị V có nghĩa vụ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị N được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo nội dung quyết định của bản án này.

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N 2.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04630 ngày 28/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 07/7/2017, bị đơn Võ Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà Nguyễn Thị N, bà chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Quang N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc gia đình bà V thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà N. Đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà V với bà N. Bà V đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà N theo giá chuyển nhượng đất tại địa phương mà Hội đồng định giá đã định trước đây ở Tòa án cấp sơ thẩm. Với lý do bà V không có thỏa thuận, không có xác lập hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà N, cũng như không có nhận bất kỳ khoản tiền chuyển nhượng đất nào của bà N.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà V và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện .

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lí vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà Võ Thị V kháng cáo không đồng ý thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 đất (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2 đất) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị N. Bà V cho rằng giữa bà và bà N không có ký kết bất kỳ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nào, bà V chỉ cho bà N mượn đất để canh tác bù lại bà N đưa cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B số tiền 115.000.000 đồng để cất nhà cho cha mẹ cùng ở.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Võ Thị V đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00090 do UBND huyện C cấp ngày 03/03/2005 đối với thửa đất số 66, diện tích 2384m^2 (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do cụ Võ Văn S tặng cho bà V. Theo lời trình bày bà N, bà B, bà C, bà V1, bà D thì vào năm 2008 bà N có nhận chuyển nhượng thửa đất số 66, diện tích 2.348m^2 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị V đại diện hộ gia đình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 115.000.000 đồng. Bà N đã nhận đất sử dụng từ đó cho đến nay nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Phía bà Võ Thị V không thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N mà bà chỉ cho bà N mượn đất để canh tác bù lại bà N đưa cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Ba số tiền 115.000.000 đồng để cất nhà cho cha mẹ cùng ở.

Tuy nhiên, tại hồ sơ giải quyết vụ án tranh chấp "*Đòi quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*" giữa nguyên đơn Nguyễn Thị B với bị đơn Võ Thị V do Tòa án nhân dân huyện Cái Bè thụ lý số 702/2013/TLST-DS ngày 24/12/2013 phía bà V đã thừa nhận vào năm 2008 bà đồng ý chuyển nhượng thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 đất cho bà Nguyễn Thị N để lấy số tiền 115.000.000 đồng xây nhà

trên thửa đất số 184 diện tích 901m^2 cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị B ở (BL 38; 40; 42, 44; 46; 47). Cũng như, theo bản án dân sự sơ thẩm số 70/2015/DSST ngày 19/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (BL 50-54), trong phần lời trình bày của bà V và chồng bà V là ông Nguyễn Văn C xác nhận 2008 bà V và anh chị em trong gia đình đều thống nhất để bà V chuyển nhượng thửa đất số 66 cho bà Nguyễn Thị N để lấy tiền cất nhà cho mẹ con bà cùng ở, toàn bộ số tiền 115.000.000 đồng dùng vào việc xây dựng nhà và mua cây giống trồng trên đất. Hơn nữa, theo bản án dân sự sơ thẩm số 70/2015/DSST ngày 19/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè cũng đã xác định giá trị quyền sử dụng diện tích 2.384m^2 đất, thửa số 66 đã chuyển nhượng cho bà N được tính vào giá trị ngôi nhà nằm trên thửa đất số 184 diện tích 901m^2 là tài sản chung của ông S, bà B và đã phân chia tài sản chung của hai người, cũng như chia thừa kế phần di sản của ông S (BL 52). Như vậy, bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật và đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định việc chuyển nhượng thửa đất 66 từ bà V sang bà N là có thật. Nó cũng phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Mặt dù việc chuyển nhượng thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 đất giữa các bên không có lập hợp đồng và công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật, nhưng sau khi chuyển nhượng bên chuyển nhượng là các thành viên trong hộ bà V đã nhận đủ tiền và giao đất cho bà N sử dụng. Sau khi nhận đất, bà N đã xây nhà kiên cố, trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, phía bà V không phản đối, bà N cũng không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về đất đai. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 697 Bộ luật dân sự 2005 và và hướng dẫn tại điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 3 phần 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị V với bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà V không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cở sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 72/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị V không được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Trong quá trình xem xét đơn kháng cáo của bà V, Tòa án cấp sơ thẩm cho bà V nộp 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là chưa đúng theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Sai sót này không phải vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng cần nhắc nhở sửa chữa chung.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 3 phần 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối;

Căn cứ Điều 697, Điều 699 của Bộ Luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 72/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc hộ gia đình bà Võ Thị V có nghĩa vụ chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị N được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất số 66, diện tích 2.384m^2 (diện tích đo đạc là 2.195,4m^2) tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo nội dung quyết định của bản án này.

2. Về án phí:

- Bà Võ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà V đã nộp 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 07162 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N 2.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 04630 ngày 28/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Xuân Long